

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Luật Kinh tế

MÃ NGÀNH: 7380107

(Ban hành kèm theo Quyết định số....QĐ-NTT ngày....tháng.....năm ... về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo: Luật Kinh tế

- Tên tiếng Việt: Luật Kinh tế
- Tên tiếng Anh: Economic Law

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Khóa học áp dụng: 2019 - 2022

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Luật Kinh tế

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- Khoa Luật
- Địa chỉ: Lầu 1, số 331 Quốc lộ 1A, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 6256 5690/91/92/93 – Ext: 222

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp THPT.

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:

• Phương thức 1: xét kết quả Kỳ thi THPT quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với những thí sinh thi tuyển kỳ thi THPT quốc gia năm 2019.

• Phương thức 2: Xét điểm trung bình chung của các môn học trong năm học lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển. Ngưỡng điểm tối thiểu xét từ 6.0 trở lên cho các ngành bậc Đại học.

Các tổ hợp môn xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

Đạt chứng nhận 3 sao do Tổ chức Xếp hạng QS World University Ranking cấp năm 2016.
Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & Đào tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp.

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế:

1. GA1: Năng lực phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý
2. GA2: Năng lực tư vấn và tranh tụng
3. GA3: Kỹ năng tư duy và phản biện
4. GA4: Khả năng học tập suốt đời

12. Mục tiêu đào tạo

- **Về kiến thức (PEO1):** SV có thể tổng hợp được kiến thức vững chắc trong lĩnh vực khoa học xã hội, có kiến thức nền tảng về lý luận nhà nước và pháp luật, kiến thức pháp luật chuyên ngành về điều chỉnh hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại.
- **Về kỹ năng (PEO2):** SV có thể vận dụng được các kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn vào việc phân tích, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh, thương mại.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm (PEO3):** SV tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, thân thiện trong giao tiếp và ứng xử, có ý thức pháp luật và góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước và xã hội. Đồng thời, SV có khả năng theo học các CTĐT hành nghề luật chuyên sâu để hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Luật Kinh tế có:

Kiến thức

- ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực pháp luật.

- ELO2 (K2): Tổng hợp được các kiến thức chung về pháp luật như: lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật; pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự, pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, pháp luật hành chính, tố tụng hành chính và pháp luật quốc tế, ..vv.
- ELO3 (K3): Vận dụng được các kiến thức pháp lý chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật thương mại và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, kinh doanh bất động sản; pháp luật về xuất nhập khẩu; pháp luật về kế toán, kiểm toán; pháp luật về sở hữu trí tuệ; pháp luật về đầu tư, cạnh tranh, phá sản.
- ELO4 (K4): Kết hợp được những kiến thức pháp luật vào thực tiễn hoạt động thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, lao động và an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

Kỹ năng

- ELO5 (S1): Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề về pháp luật và đời sống.
- ELO6 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các tình huống pháp lý thực tế với nhiều phương thức khác nhau.
- ELO7 (S3): Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng; kỹ năng đàm phán, ký kết, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện và thanh lý hợp đồng.
- ELO8 (S4): Giải quyết được các tranh chấp thực tiễn trong kinh doanh bằng kỹ năng nghiên cứu, lập luận, phản biện và thuyết phục.

Thái độ

- ELO9 (A1): Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của người khác.
- ELO10 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, thể hiện động cơ khởi nghiệp, định hướng rõ ràng tương lai phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực pháp luật và có khả năng học tập suốt đời.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Program Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)			Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	PEO1	PEO2	PEO3	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10
GA1	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓				
GA2	✓	✓	✓			✓				✓	✓		
GA3			✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA4	✓	✓		✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10
PEO1	✓	✓				✓	✓			
PEO2		✓	✓	✓	✓			✓		
PEO3				✓	✓		✓		✓	✓

14.3. *Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp*

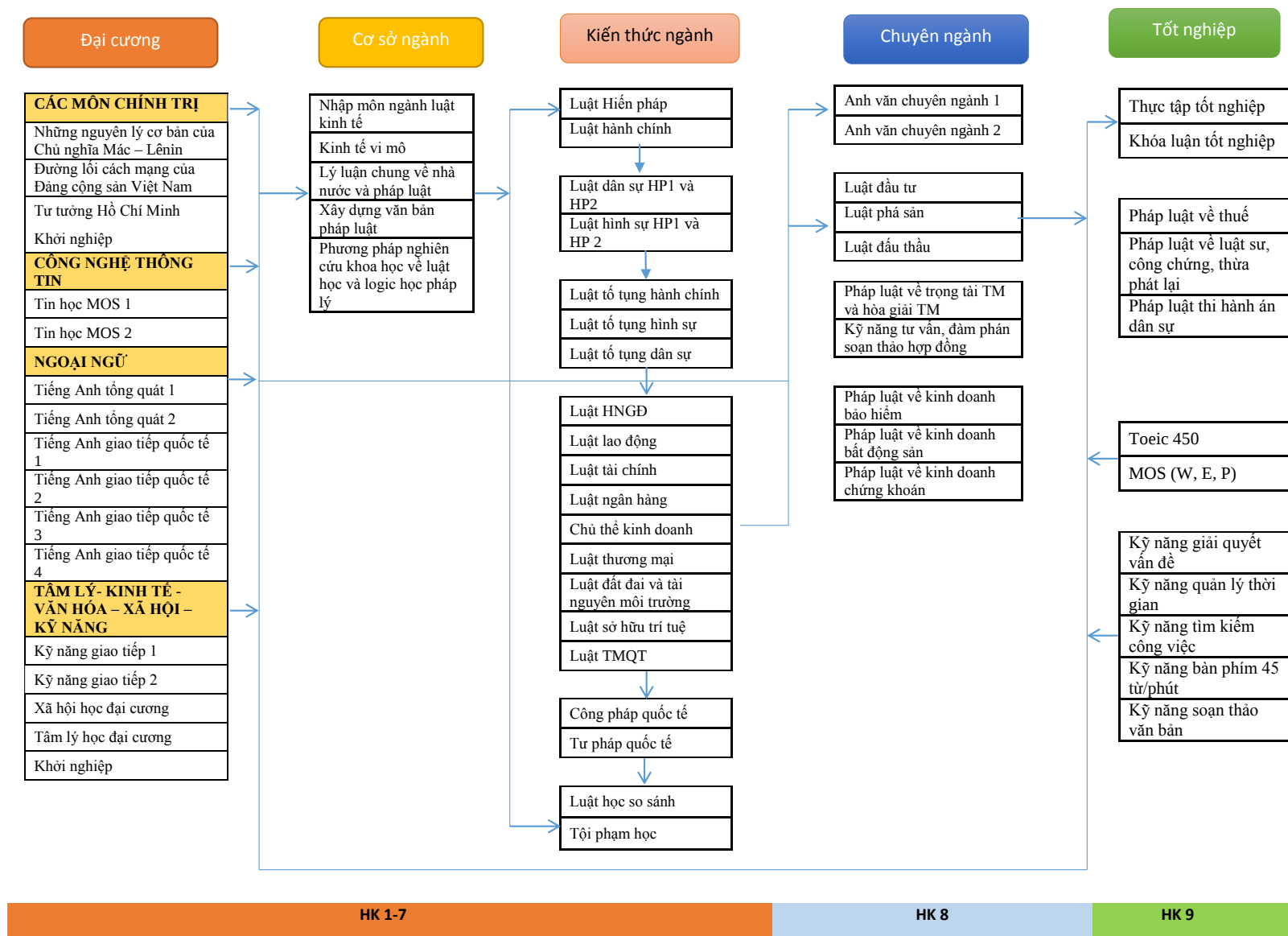
CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
Năng lực phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý	Môn Luật Dân sự 1 (3 tín chỉ)	5	15	10 %
	Môn Luật Dân sự 2 (3 tín chỉ)			
	Môn Luật Hình sự 1 (3 tín chỉ)			
	Môn Luật Hình sự 2 (3 tín chỉ)			
	Môn Chủ thể kinh doanh (3 tín chỉ)			
	Môn Luật thương mại (3 tín chỉ)			
Năng lực tư vấn và tranh tụng	Môn Chủ thể kinh doanh (3 tín chỉ)	4	12	8.3 %
	Môn Luật Tổ tụng dân sự (3 tín chỉ)			
	Môn Luật Tổ tụng hình sự (3 tín chỉ)			
	Môn Luật Tổ tụng hành chính (3 tín chỉ)			
Kỹ năng tư duy và phản biện	Môn Luật tổ tụng dân sự (3 tín chỉ)	3	8	5.3 %
	Môn Pháp luật về trọng tài và hòa giải thương mại (2 tín chỉ)			
	Môn Kỹ năng tư vấn, đàm phán, soạn thảo hợp đồng (2 tín chỉ)			
Khả năng học tập suốt đời	Môn Pháp luật về luật sư, công chứng, thừa phát lại (2 tín chỉ)	3	7	4.9%
	Môn Văn hóa và đạo đức nghề luật (2 tín chỉ)			
	Môn Pháp luật về thuế (3 tín chỉ)			

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (40 TC) • CHÍNH TRỊ (10 TC) 1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (3 TC) 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC) 3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3 TC) • TÂM LÝ- KINH TẾ - VĂN HÓA – XÃ HỘI (4TC) 1. Khởi nghiệp (2 TC) 2. (Tự chọn 1 trong 2) - Tâm lý học đại cương (2TC) - Xã hội học đại cương (2TC) • NGOẠI NGỮ (18 TC) 1. Tiếng Anh tổng quát 1 (3TC) 2. Tiếng Anh tổng quát 2 (3TC) 3. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 (3TC) 4. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 (3TC) 5. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 (3TC) 6. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 (3TC) • CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC) 1. MOS 1 (2 TC) 2. MOS 2 (2 TC) • PHƯƠNG PHÁP – KỸ NĂNG (4 TC) 1. Kỹ năng giao tiếp 1 (2TC) 2. Kỹ năng giao tiếp 2 (2TC)	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (14 TC) 1. Nhập môn ngành Luật Kinh tế (2 TC) 2. Kinh tế vi mô (3 TC) 3. Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật (4 TC) 4. Xây dựng văn bản pháp luật (2 TC) 5. Phương pháp nghiên cứu khoa học về luật học và logic học pháp lý (3 TC) CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (19 TC) 1. Luật đầu tư (2 TC) 2. Luật cạnh tranh (2 TC) 3. Luật phá sản (2 TC) 4. Pháp luật về trọng tài TM và hòa giải TM (3 TC) 5. Luật đấu thầu (2 TC) 6. Anh văn chuyên ngành 1 (2 TC) 7. Anh văn chuyên ngành 2 (2 TC) 8. Kỹ năng tư vấn, đàm phán, soạn thảo hợp đồng (2TC) 9. Tự chọn 1 trong các học phần - Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm (2 TC) - Pháp luật về kinh doanh bất động sản (2 TC) - Pháp luật về kinh doanh chứng khoán (2 TC)	CÁC MÔN KIẾN THỨC NGÀNH (59 TC) 1. Luật Hiến pháp (3 TC) 2. Luật hành chính (3 TC) 3. Luật Dân sự HP 1 (3 TC) 4. Luật Dân sự HP 2 (3 TC) 5. Luật Hình sự HP 1 (3 TC) 6. Luật Hình sự HP 2 (3 TC) 7. Luật Tổ tụng dân sự (3 TC) 8. Luật Tổ tụng hình sự (3 TC) 9. Luật Tổ tụng hành chính (3 TC) 10. Luật hôn nhân và gia đình (3 TC) 11. Luật lao động (2 TC) 12. Luật tài chính (2TC) 13. Luật ngân hàng (2 TC) 14. Chủ thể kinh doanh (3 TC) 15. Luật thương mại (3 TC) 16. Luật đất đai và tài nguyên môi trường (3 TC) 17. Luật sở hữu trí tuệ (3 TC) 18. Công pháp quốc tế (2 TC) 19. Tư pháp quốc tế (2 TC) 20. Luật thương mại quốc tế (3 TC) 21. Luật học so sánh (3 TC) 22. Tội phạm học (2 TC)	CỬ NHÂN LUẬT KINH TẾ (144 TC) CÁC HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP (11 TC) 1. Thực tập tốt nghiệp (5 TC) 2. Khóa luận tốt nghiệp (7 TC) * Các học phần thay thế KLTN + Pháp luật về thuế (3 TC) + Pháp luật về luật sư, công chứng, thừa phát lại (2TC) + Pháp luật thi hành án dân sự (2TC)
--	--	---	---

Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo

LỘ TRÌNH HỌC TẬP



17. Đối sánh KQHTMD của ngành đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Quốc Gia Hà Nội	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Luật của Trường ĐH Thủ Dầu Một	Nhận xét
1	<i>Kiến thức</i> ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực pháp luật. ELO2 (K2): Tổng hợp được các kiến thức chung về pháp luật như: lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật; pháp luật về dân sự và tổ tụng dân sự, pháp luật về hình sự, tổ tụng hình sự, pháp luật hành chính, tổ tụng hành chính và pháp luật quốc tế, ..vv.	<i>Kiến thức</i> - Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Vận dụng các kiến thức cơ bản theo khối ngành về lý luận – lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hành chính để giải quyết những	<i>Kiến thức</i> ELO1: Hiểu kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị, đường lối quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ, kiến thức ngành, lịch sử nhà nước và pháp luật ELO2: Phân tích, so sánh và ứng dụng kiến thức pháp luật cơ sở ngành và chuyên ngành	Các chuẩn đầu ra về kiến thức tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Quốc Gia Hà Nội và Trường ĐH Thủ Dầu Một. Tỷ lệ giống nhau khoảng 90%

	ELO3 (K3): Vận dụng được các kiến thức pháp lý chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật thương mại và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, kinh doanh bất động sản; pháp luật về xuất nhập khẩu; pháp luật về kế toán, kiểm toán; pháp luật về sở hữu trí tuệ; pháp luật về đầu tư, cạnh tranh, phá sản. ELO4 (K4): Kết hợp được những kiến thức pháp luật vào thực tiễn hoạt động thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, lao động và an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. - Vận dụng được các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành như: luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình - Hiểu và vận dụng được các kiến thức pháp lý chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh như: pháp luật về tổ chức kinh doanh, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về lao động, pháp luật cạnh tranh,...		
2	<i>Kỹ năng</i> ELO5 (S1): Sáng tạo,	<i>Kỹ năng</i> - Biết cách tra cứu văn bản pháp luật,	<i>Kỹ năng</i> ELO3: Kỹ năng giao tiếp, diễn	Các chuẩn đầu ra về kỹ năng tương

	linh hoạt trong giải quyết vấn đề về pháp luật và đời sống. ELO6 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các tình huống pháp lý thực tế với nhiều phương thức khác nhau. ELO7 (S3): Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng; kỹ năng đàm phán, ký kết, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện và thanh lý hợp đồng. ELO8 (S4): Giải quyết được các tranh chấp thực tiễn trong kinh doanh bằng kỹ năng nghiên cứu, lập luận, phản biện và thuyết phục.	phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý nói chung - Bước đầu có kỹ năng trong đàm phán, giao kết và tổ chức thực hiện hợp đồng - Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật kinh doanh một cách độc lập.	giải, hùng biện ELO4: Kỹ năng làm việc nhóm ELO5: Kỹ năng tư duy, lập luận ELO6: Kỹ năng tin học văn phòng ELO7: Kỹ năng ngoại ngữ ELO8: Kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ, khoa học và sáng tạo của một chuyên gia pháp luật ELO9: Sử dụng thành thạo các ứng dụng thông tin vào hoạt động chuyên môn.	đổi giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Quốc Gia Hà Nội và Trường ĐH Thủ Dầu Một Tỷ lệ giống nhau khoảng 90%
3	<i>Thái độ</i> ELO9 (A1): Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm bảo vệ lợi	<i>Thái độ</i> - Có tinh thần cầu thị trong học tập và lao động - Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn	<i>Thái độ</i> ELO10: Phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỉ luật và tác	Các chuẩn đầu ra về thái độ tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Quốc

ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của người khác. ELO10 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, thể hiện động cơ khởi nghiệp, định hướng rõ ràng tương lai phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực pháp luật và có khả năng học tập suốt đời.	- Có ý thức xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh	phong công nghiệp ELO11: Trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Gia Hà Nội và Trường ĐH Thủ Dầu Một Tỷ lệ giống nhau khoảng 90%
---	--	--	--

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Quốc Gia Hà Nội	CTĐT ngành Luật của Trường ĐH Thủ Dầu Một	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150	135	120	Tổng số tín chỉ của CTĐT Luật KT ĐH NTT cao hơn các trường khác
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Kiến thức đại cương	41	33	21	Khối kiến thức đại cương cao

				hơn
- Kiến thức cơ sở ngành	20	16	47	Kiến thức cơ sở ngành tương đồng với ĐH QG HN nhưng ít hơn so với ĐH TDM
- Kiến thức ngành	62	59	0	Tương đồng với ĐH QG HN
- Học phần chuyên ngành	15	27	33	Ít hơn các trường khác
- Học phần tốt nghiệp	12	9	19	Nhiều hơn các trường khác vì nhà trường chú trọng thực hành
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập				
Học phí				
Các đối sánh khác (nếu có)				

18. Tầm nhìn và sứ mạng

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường:

Tầm nhìn: Đến năm 2020, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành sẽ trở thành một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, và có uy tín trong nước và khu vực.

Sứ mạng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cam kết thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường của TP. HCM và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Luật

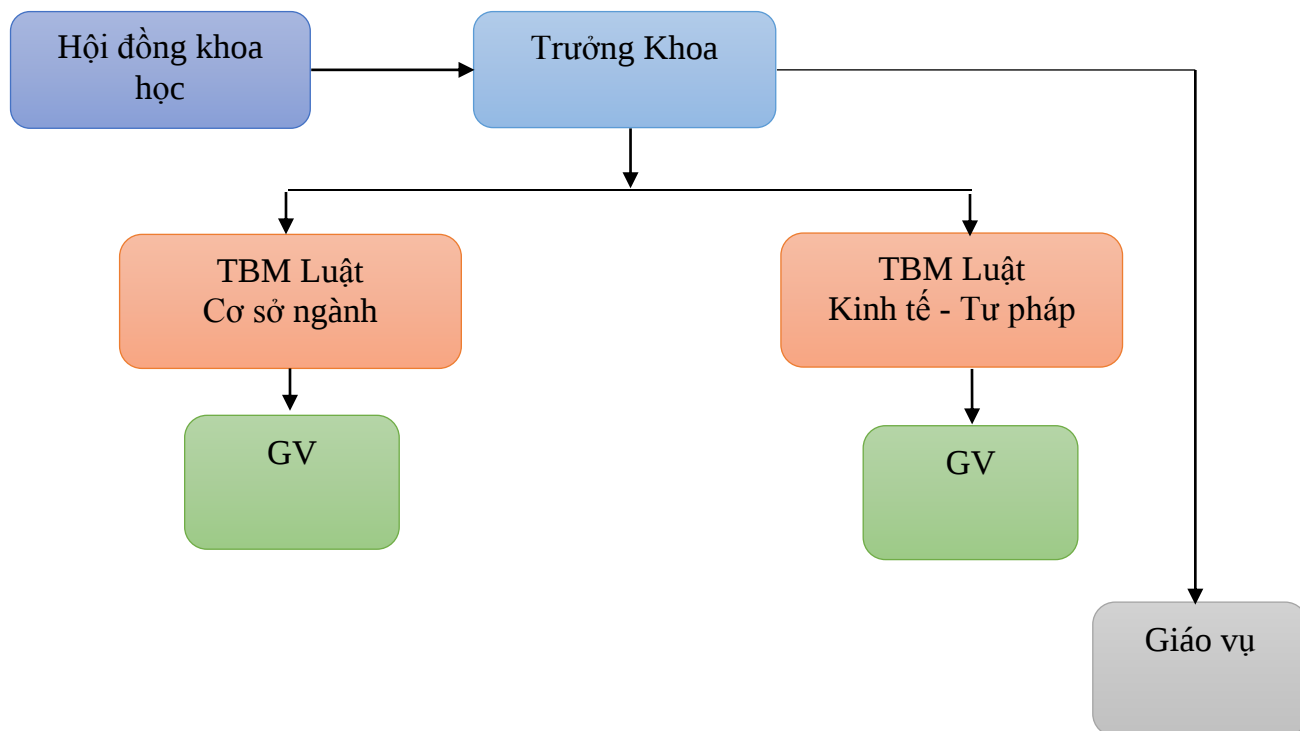
Tầm nhìn

Đến năm 2025, Khoa Luật Trường ĐH Nguyễn Tất Thành sẽ trở thành một đơn vị có uy tín, đạt chuẩn quốc gia trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng pháp luật ở Việt Nam.

Sứ mạng

Khoa Luật Trường ĐH Nguyễn Tất Thành là đơn vị cung ứng nguồn nhân lực ngành luật kinh tế có trình độ chuyên môn vững vàng, có kỹ năng nghề nghiệp, thái độ tôn trọng và triệt để thi hành pháp luật để làm việc tại các cơ quan nhà nước và tổ chức hành nghề luật.

19. Sơ đồ tổ chức Khoa Luật



20. Thông tin liên hệ

Khoa Luật – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Địa chỉ: Lầu 1, số 331 Quốc lộ 1A, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 6256 5690/91/92/93 – Ext: 222
- Website: <http://kl.ntt.edu.vn>

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo: 2022 (dự kiến)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA